

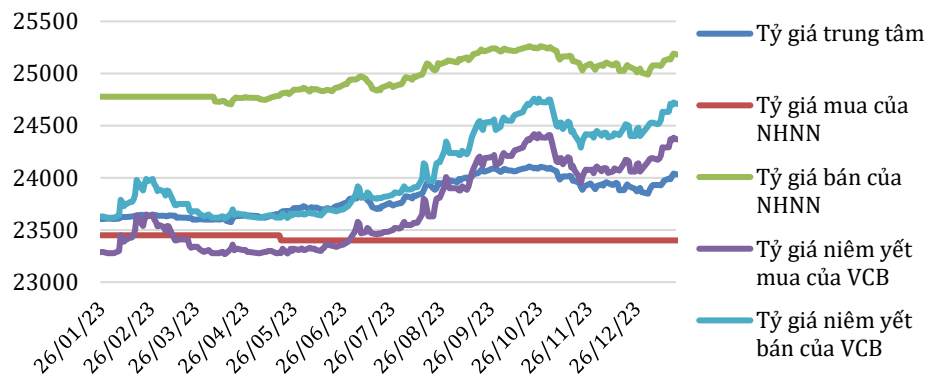
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 22/01 – 26/01

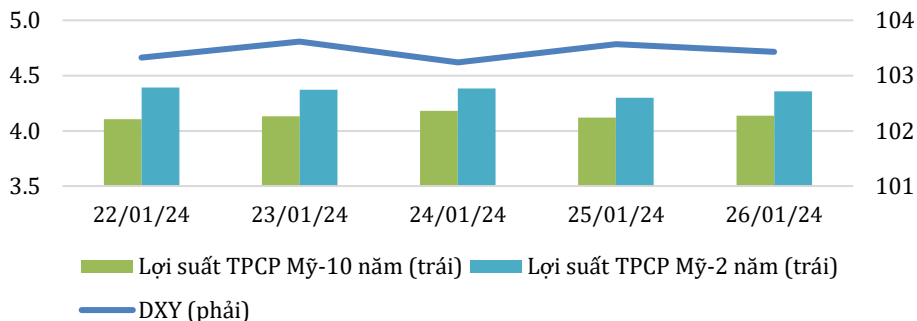
PHÒNG KINH DOANH VỐN

1 | Thị trường ngoại hối

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/VND TRONG NƯỚC



DXY & LỢI SUẤT TPCP MỸ



1, TIN TRONG NƯỚC

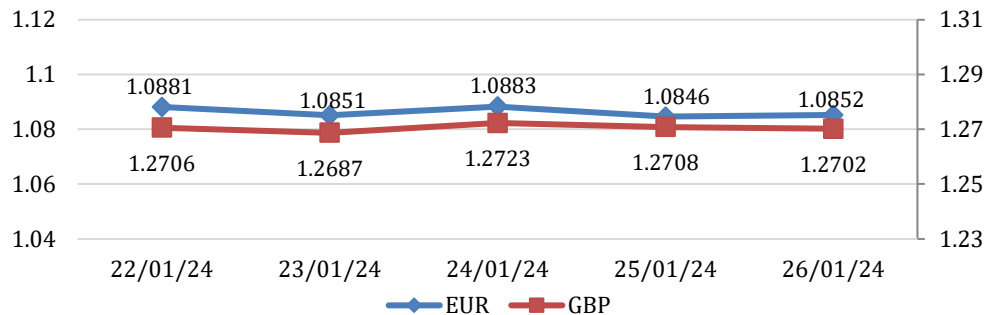
- Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 23.036, tăng 5 đồng so với phiên đầu tuần và giảm 1 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước. Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.187, giảm 1 đồng so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.425 – 24.765, tăng 50 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày thứ 6 tuần trước.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng giảm dần, trong bối cảnh nguồn cung USD dự kiến tương đối dồi dào, đồng thời thị trường đang chờ đợi quyết định lãi suất của FED (31/01 - 01/02) với kỳ vọng FED sẽ giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%.

2, TIN QUỐC TẾ

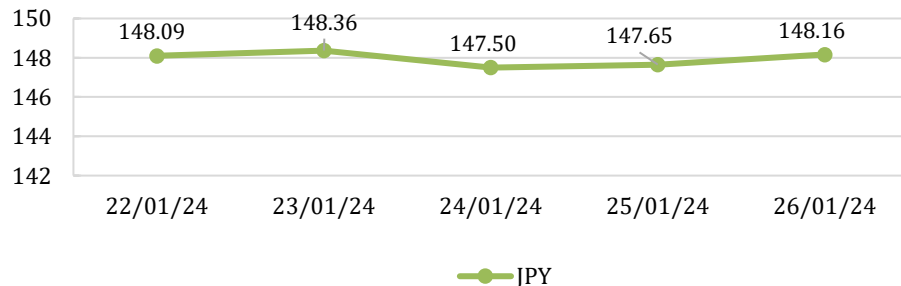
a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 0,14% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 103,29 lên mức 103,43), khi các dữ liệu được công bố trong tuần cho thấy nền kinh tế Mỹ đang trên đà phục hồi và lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt. Cụ thể:
 - Trong Quý 4/2023, GDP sơ bộ của Mỹ tăng 3,3% (QoQ), cao hơn mức tăng dự báo 2,0% (QoQ).
 - Trong tháng 01/2024, PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ của Mỹ lần lượt đạt trên ngưỡng trung bình 50 điểm, cao hơn số liệu của tháng 12/2023, đồng thời đều vượt mức kỳ vọng.
 - Trong tháng 12/2023, chỉ số Core PCE của Mỹ đạt mức tăng 2,9% (YoY), thấp hơn mức tăng 3% dự báo và 3,2% của tháng 11.

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ EUR/USD & GBP/USD



DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/JPY



b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,41% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,0897 xuống mức 1,0852), khi nền kinh tế EU có dấu hiệu suy yếu. Cụ thể, chỉ số PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ của EU trong tháng 01/2024 lần lượt giảm xuống mức 48,4 và 47,9, thấp hơn các mức của tháng 12/2023 và không đạt được các mức kỳ vọng.

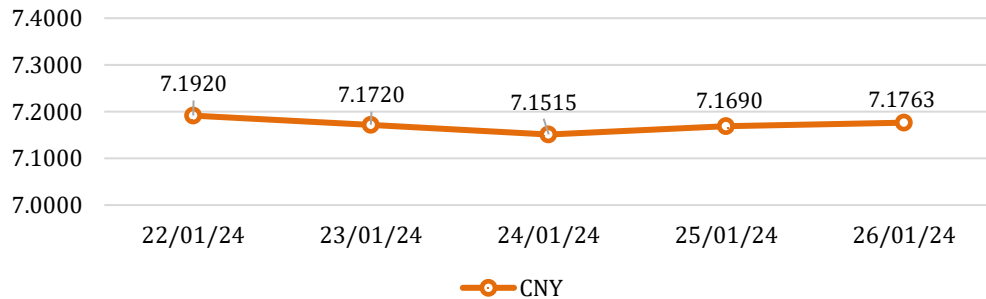
c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD tăng 0,02% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 1,2700 lên mức 1,2702), khi nền kinh tế Anh có dấu hiệu phục hồi. Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ của Anh trong tháng 01/2024 lần lượt đạt mức 47,3; 53,8 và 52,5, cao hơn số liệu tháng 12/2023 và vượt các mức dự báo.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 0,01% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 148,14 lên mức 148,16), trong bối cảnh NHTW Nhật Bản tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng với lãi suất ở mức thấp kỷ lục (-0,1%) sau cuộc họp đầu năm 2024 (23/01).

DIỄN BIẾN TỶ GIÁ USD/CNY



e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY giảm 0,23% so với phiên ngày thứ 6 tuần trước (từ mức 7,1931 xuống mức 7,1763), trong bối cảnh NHTW Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản ở mức 3,45% sau phiên họp tháng 01/2024.

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (29/01/2024 – 02/02/2024):

- **29/01/2024:** Nhật Bản công bố tỷ lệ thất nghiệp tháng 12/2023.
- **30/01/2024:** EU công bố GDP Quý 4/2023.
- **31/01/2024:**
 - Mỹ họp chính sách tiền tệ.
 - Trung Quốc công bố PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp tháng 01/2024.
- **01/02/2024:**
 - Anh họp chính sách tiền tệ.
 - EU, Anh, Mỹ, Nhật Bản công bố PMI sản xuất chính thức tháng 01/2024.
 - EU công bố tỷ lệ thất nghiệp tháng 12/2023 và CPI sơ bộ tháng 01/2024.
- **02/02/2024:** Mỹ công bố dữ liệu bảng lương phi nông nghiệp tháng 01/2024.

2 | Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)			Chênh lệch
		22/01 – 26/01/2024	15/01 – 19/01/2024	
OMO reverse repo (1)	7	0.000	0.000	0.000
	14	0.000	0.000	0.000
Tín phiếu (2)	7	0.000	0.000	0.000
	28	0.000	0.000	0.000
Đến hạn Tín phiếu (3)		0.000	0.000	0.000
Đến hạn OMO (4)		0.000	0.000	0.000
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		0.000	0.000	

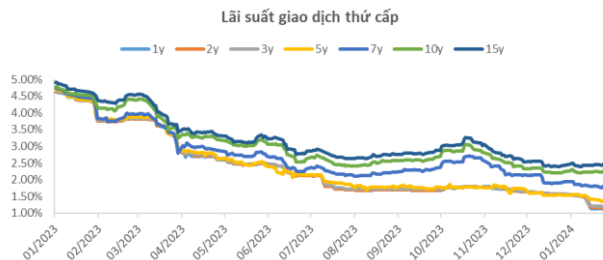
Diễn biến thị trường:

- Trong tuần 22/01 – 26/01/2024, mặt bằng lãi suất trên thị trường LNH ít biến động và tiếp tục ở mức thấp khi thanh khoản hệ thống vẫn dồi dào. Theo đó, lãi suất tại các kỳ hạn ON – 1W giao dịch ở mức 0,2 – 0,3%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M – 3M giao dịch quanh mức 1,15 – 2,85%/năm.
- Kênh OMO tiếp tục được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày với lãi suất 4%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất kỳ hạn ngắn trên thị trường LNH sẽ giao dịch quanh mức hiện tại.

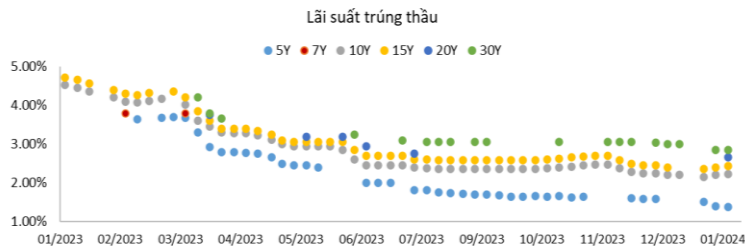
3 | Thị trường trái phiếu



Tuần qua, KBNN phát hành thành công 7.244 tỷ VND trong số 8.500 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5-10-15-20-30 năm. Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm tăng 2-3bps, trong khi đó kỳ hạn 30 không thay đổi. Lợi suất kỳ hạn 20 năm giảm 10 bps so với phiên cuối kỳ hạn này trúng thầu vào giữa năm 2023.

Thị trường thứ cấp

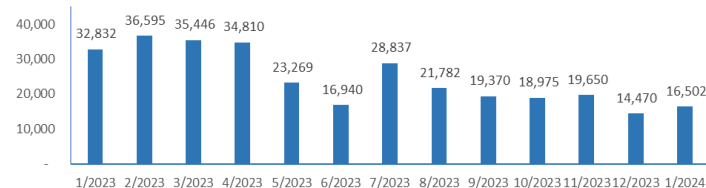
Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch sôi động, tập trung ở kỳ hạn 5-7 năm. Lực cầu được duy trì khiến mặt bằng lợi suất các kỳ hạn này tiếp tục giảm nhẹ. Trong khi đó, mặt bằng lợi suất các kỳ hạn từ 10-15 năm tăng nhẹ.



Thị trường sơ cấp

Tỷ đồng

Khối lượng phát hành



Dự báo:

Tuần tới - từ 29/01/2024, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-8bps.

1-3 năm: 0,80 - 1,30%/năm; 5 năm: 1,35 - 1,45%/năm;

7 năm: 1,75 - 1,87%/năm; 10 năm: 2,25 - 2,35%/năm;

15 năm: 2,40 - 2,55%/năm.

4 | Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá Robusta tăng 4,51% trong tuần, xác định mức giá cao nhất trong 16 năm. Xung đột Biển Đỏ kéo dài khiến giá cước vận chuyển tăng cao và thời gian chờ tàu cập bến tăng lên đáng kể khi phải thay đổi lộ trình. Điều này góp phần thúc đẩy lo ngại nông dân Việt Nam sẽ tiếp tục ghim hàng chờ giá cao, từ đó tạo nên tình trạng thiếu hụt nguồn cung cục bộ trên thị trường. Bên cạnh đó, tồn kho Robusta trên Sở ICE-EU tính đến hết ngày 25/1 ở mức 30.080 tấn, quay về mức thấp nhất kể từ 2014.

+ Giá Arabica cũng tăng 4,70% so với tham chiếu nhờ hỗ trợ từ giá Robusta và tồn kho đạt chuẩn tiếp tục suy yếu. Trong tuần kết thúc ngày 26/1, tồn kho Arabica đạt chuẩn trên Sở ICE-US đã giảm thêm 3.902 bao loại 60kg, đưa tổng số bao Cà phê đã chứng nhận còn 249.206 bao. Điều này làm gia tăng lo ngại về khả năng đáp ứng đủ nguồn cung trên thị trường ở thời điểm hiện tại.

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Giá Ngô đã tăng nhẹ, chấm dứt chuỗi 6 tuần liên tiếp sụt giảm. Sự chú ý của thị trường chủ yếu tập trung đến tình hình tại Argentina, khi Sở Giao dịch Ngũ cốc Buenos Aires cho biết khoảng 40% diện tích Ngô tại Argentina được đánh giá đạt tốt/tuyệt vời, giảm 5% so với tuần trước đó do thời tiết khô nóng gần đây ảnh hưởng đến cây trồng.

+ Giá Lúa mì tăng hơn 1% vào tuần qua, sau ba tuần liên tục giảm trước đó. Lo ngại tình hình nguồn cung từ khu vực biển Đen là yếu tố đã tác động “bullish” đến giá. Ukraine cho biết, xuất khẩu ngũ cốc của nước này bằng đường biển trong tháng 1 có thể bị ảnh hưởng tới 20% do cuộc khủng hoảng biển Đỏ. Việc các tàu di chuyển qua khu vực này bị lực lượng Houthi tấn công đã làm gián đoạn một phần dòng chảy thương mại giữa châu Âu và châu Á.

+ Giá Đậu tương chốt tuần với mức giảm nhẹ 0,33%, đánh dấu tuần suy yếu thứ 6 liên tiếp. Dù vẫn đang trên đà giảm, tuy nhiên các dự báo vào đầu tuần trước đã chỉ ra rằng khô nóng sẽ quay trở lại tại Argentina và Brazil trong 10-15 ngày tới, và gây ra rủi ro sụt giảm năng suất cây trồng, thúc đẩy giá tăng trong 3 phiên đầu tuần.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Giá Đường (No.11) tăng nhẹ 0,85% trong tuần khi thị trường đang dồn sự chú ý vào lo ngại triển vọng vụ tới tại Brazil. Vào đầu tuần, rủi ro nắng nóng hình thành tại khu vực Tây Nam Brazil và có nguy cơ lan ra các vùng trồng mía đường chính. Điều này khiến thị trường lo ngại về triển vọng nguồn cung mía đường vụ tới – bắt đầu từ tháng Tư.

+ Giá Bông (No.2) tăng nhẹ 0,50% dù doanh số bán hàng và xuất khẩu yếu đi tại Mỹ. Trong báo cáo xuất khẩu tuần kết thúc ngày 18/1, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cho biết, quốc gia này chỉ bán được 207.000 kiện Bông của vụ 2023/24, giảm 51% và 30% so với tuần trước và trung bình 4 tuần gần nhất. Tương tự, lượng Bông xuất đi trong tuần cũng giảm về 142.200 kiện, thấp hơn lần lượt 45% và 39% so với tuần trước và mức trung bình 4 tuần. Điều này làm đẩy lên lo ngại về khả năng phục hồi nhu cầu Bông từ số liệu tốt trong những tuần trước đó.

Nông sản	Mã	19/01/2024	26/01/2024	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCH24	3128	3269	+4,51%
Cà phê Arabica	KCEH24	185,15	193,85	+4,70%
Ngô	ZCEH24	445,50	446,25	+0,17%
Đậu tương	ZSEH24	1213,25	1209,25	-0,33%
Lúa mì	ZWAH24	593,25	600,25	+1,18%
Bông	CTEH24	83,95	84,37	+0,50%
Đường	SBEH24	23,57	23,77	+0,85%

Kim loại và Năng lượng	Mã	19/01/2024	26/01/2024	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEH24	3,7865	3,8520	+1,73%
Đồng LME	CAD	8351,0	8545,5	+2,33%
Nhôm LME	AHD	2166,0	2274,5	+5,01%
Quặng sắt SGX	FEFF24	133,96	135,31	+1,01%
Dầu thô WTI	CLEH24	73,25	78,01	+6,50%
Dầu thô Brent	QOH24	78,56	83,55	+6,35%

- Nhóm hàng Kim loại

+ Giá Đồng COMEX tăng 1,73% lên 3,85 USD/pound, đánh dấu tuần tăng giá thứ hai liên tiếp. Giá Quặng sắt trên Sở giao dịch Singapore cũng ghi nhận mức tăng 1,01%, mức tăng tốt nhất kể từ tháng 11/2023. Động thái Trung Quốc phát đi tín hiệu nói lỏng tiền tệ là chất xúc tác chính hỗ trợ cho giá Đồng và giá Sắt tăng trong tuần trước. Chính quyền Trung Quốc đang xem xét huy động khoảng 2.000 tỷ NDT (278,61 tỷ USD) để ổn định thị trường chứng khoán đang sụt giảm. Bên cạnh đó, vào thứ Tư (24/1), Thống đốc NHTW Trung Quốc (PBOC) tuyên bố cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) 50 điểm cơ bản kể từ ngày 5/2, dự kiến sẽ bơm khoảng 140 tỷ USD tiền mặt vào hệ thống ngân hàng. Điều này củng cố phần nào cho niềm tin của giới đầu tư về triển vọng phục hồi của kinh tế Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ kim loại lớn nhất thế giới.

+ Tuy vậy, giá hai mặt hàng nhanh chóng đảo chiều giảm trở lại, do giới đầu tư đang dần mất niềm tin trước những đợt kích thích kinh tế của Trung Quốc bởi tính kém hiệu quả của nó. Kết hợp với yếu tố tiêu thụ còn kém, đà tăng của giá Đồng và Quặng sắt dần thu hẹp vào các phiên cuối tuần.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Giá Dầu WTI tăng 6,5% lên 78 USD/thùng, ghi nhận mức cao nhất trong 2 tháng qua. Dầu Brent chốt tuần với mức giá 83,55 USD/thùng, cao hơn 6,35% so với tuần trước đó. Nỗi lo gián đoạn nguồn cung trước căng thẳng quanh khu vực Biển Đỏ là chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy giá Dầu trong tuần. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng của Mỹ, cũng mở ra niềm tin tích cực về nhu cầu tiêu thụ Dầu thô trong tương lai.

+ Phiến quân Houthis ở Yemen đã tăng cường các cuộc tấn công vào các tàu đi qua Biển Đỏ trong tuần qua, bao gồm cả một vụ tấn công gây cháy tàu chở nhiên liệu Marlin Luanda, đại diện bởi công ty thương mại Trafigura. Tàu Free Spirit, do Vitol thuê để chở Dầu thô, đã quay đầu trước khi đến Vịnh Aden, ngay sau vụ tấn công. Căng thẳng leo thang và ảnh hưởng trực tiếp tới tàu vận chuyển nhiên liệu, đã gây bất ngờ cho thị trường và đẩy giá Dầu lên cao ngay trong phiên cuối tuần.

+ Trước đó, đà tăng của giá Dầu chủ yếu đến từ sự sụt giảm nguồn cung cục bộ, cùng với tín hiệu tích cực trong tăng trưởng kinh tế Mỹ. Thời tiết lạnh khắc nghiệt trên khắp nước Mỹ hạn chế sản lượng Dầu thô ở North Dakota, cũng như cản trở hoạt động sản xuất ở các bang khác. Cơ quan quản lý đường ống của North Dakota cho biết hơn 20% sản lượng tại bang sản xuất Dầu lớn thứ ba đã bị ảnh hưởng. Đây cũng chính là nguyên nhân kéo tổng sản lượng của Mỹ trong tuần qua giảm sâu, đẩy giá Dầu tăng mạnh.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

*Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn*